

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21/12/2020

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tấn;
2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa:

+ Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Huỳnh C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt), bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Vào năm 2012, chị D quê ở thôn L, xã H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với anh Huỳnh C ở thôn: Thôn T, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, đăng ký

kết hôn vào ngày 15/10/2015 tại UBND xã Đ. Hai người tổ chức cưới năm 2012, năm 2013 có con chung tên Huỳnh Anh N, sinh ngày 04/12/2013. Vợ chồng sống chung tại nhà mẹ anh C tên (Nguyễn Thị H) ở: Thôn T, xã Đ. Lúc đó chị D làm nông, anh C làm điện nước tại Sài Gòn. Mâu thuẫn vợ chồng là do không hòa hợp với gia đình chồng, vợ chồng luôn gây cãi nhau về quản lý và chi tiêu tiền bạc. Chị D nuôi con nhỏ không làm gì ra tiền, sống phụ thuộc, từ đó vợ chồng mất tình cảm. Tháng 8/2018 chị D dẫn con vào Sài Gòn thuê nhà trọ ở quận Bình Tân, làm tại Công ty KUWAHAYA, thu nhập 4.700.000 đồng/tháng và không sống chung với anh C từ đó cho đến nay, chị D chuyển về ở nhà mẹ ruột tên (Nguyễn Thị T) ở: Thôn L, xã H. Nay chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị D xin ly hôn anh Huỳnh C. Chị D yêu cầu nuôi con chung tên Huỳnh Anh N, tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng, đồng ý anh C được quyền thăm nom, săn sóc con chung; chị D không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

- Bên bị đơn, anh Huỳnh C trình bày: Anh C thống nhất với lời khai của chị D (vợ anh) từ quan hệ hôn nhân, con chung, mâu thuẫn vợ chồng, anh C không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị D. Anh C đồng ý với yêu cầu nuôi con chung của chị D, anh C tự nguyện cấp dưỡng cho chị D nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng; anh C không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

+ Về hướng giải quyết: Có cơ sở để chấp nhận khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn; chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của bị đơn. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Nguyễn Thị Mỹ D quê ở thôn L, xã H tự nguyện kết hôn với anh Huỳnh C ở thôn T, xã Đ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2015 tại UBND xã Đ là hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh C có 01 con chung tên Huỳnh Anh N, sinh ngày 04/12/2013. Vợ chồng sống chung tại nhà mẹ anh C tên (Nguyễn Thị H) ở: Thôn T, xã Đ; chị D làm nông, anh C làm điện nước tại Sài Gòn. Mâu thuẫn vợ chồng là do không hòa hợp với gia đình chồng, vợ chồng luôn gây cãi

nhau về quản lý và chi tiêu tiền bạc. Chị D chăm con nhỏ không làm gì ra tiền, sống phụ thuộc, từ đó vợ chồng mất tình cảm. Tháng 8/2018 chị D thuê nhà trọ và làm tại Công ty KUWAHAYA ở quận Bình Tân, không sống chung với anh C từ đó cho đến nay. Chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị D xin ly hôn anh Huỳnh C. Chị D yêu cầu nuôi con chung tên Huỳnh Anh N, tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng, đồng ý anh C được quyền thăm nom, săn sóc con chung; chị D không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; thu thập chứng cứ, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; niêm yết công khai, giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn anh Huỳnh C không yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Mỹ D:

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung với nhau từ tháng 8/2018 cho đến nay nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị D xác định không còn tình cảm với anh C, chị D xin ly hôn anh Huỳnh C là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh C đồng ý giao con chung Huỳnh Anh N cho chị D nuôi dưỡng nên cần giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng; chị D đồng ý anh C được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tuy chị D không yêu cầu, nhưng anh C tự nguyện cấp dưỡng cho chị D nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của anh C.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn, anh Huỳnh C:

- Về hôn nhân: Tại bản tự khai ngày 19 tháng 9 năm 2019, anh C không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị D. Tuy nhiên, anh C lại đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên có cơ sở khẳng định mặc nhiên anh C chấp nhận việc ly hôn của chị D. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không

sống chung với nhau từ tháng 8/2018 cho đến nay nên có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, anh C không đồng ý ly hôn là không có cơ sở; Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về con chung: Anh C đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng nên ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh C tự nguyện cấp dưỡng cho chị D mỗi tháng 1.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của anh C.

Về tài sản chung: Anh Chinh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã thông báo, triệu tập, niêm yết công khai đúng quy định đến (lần thứ 02), nhưng anh C vẫn không có mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của anh C trước pháp luật; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định.

[4]. Từ các căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn anh Huỳnh C.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Anh N, sinh ngày 04/12/2013 cho chị D nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng cho chị D nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2021 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh C được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

- Cần áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, để tuyên buộc anh Huỳnh C phải trả lãi phát sinh đối với số tiền chậm thi hành án.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc chị Dung chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh Chinh chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn anh Huỳnh C.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Anh N, sinh ngày 04/12/2013 cho chị D nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng cho chị D

nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2021 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh C được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án (chị Nguyễn Thị Mỹ D) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án (anh Huỳnh C) còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ D nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005905 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

- Anh Huỳnh C nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu (HSVA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Vân